

Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế

James Riedel

Lợi thế bên ngoài và vị trí sản xuất

Nội dung

- Các hình thức lợi thế theo qui mô
- Lợi thế theo qui mô và cấu trúc thị trường
- Lý thuyết lợi thế bên ngoài
- Lợi thế bên ngoài và thương mại quốc tế
- Suất sinh lợi tăng dần động
- Thương mại quốc tế và địa kinh tế

Giới thiệu lợi thế theo qui mô

Lợi thế theo qui mô xuất hiện với suất sinh lợi tăng dần theo qui mô

- Có nghĩa là khi yếu tố đầu vào của một ngành tăng với tỉ lệ nhất định, sản lượng sẽ tăng với tỉ lệ nhanh hơn.
- Qui mô lớn hơn sẽ hiệu quả hơn: chi phí trên mỗi đơn vị sản lượng giảm khi doanh nghiệp hay ngành tăng sản lượng.
- Minh họa: Có hai nước mỗi nước sản xuất 10 đơn vị với 15 đơn vị lao động. Sản lượng thế giới là 20 và việc làm thế giới là 30. Nếu chỉ một nước thuê hết 30 đơn vị lao động thì sản lượng thế giới sẽ là 25, tăng 25%.

TABLE 7-1 Relationship of Input to Output for a Hypothetical Industry		
Output	Total Labor Input	Average Labor Input
5	10	2
10	15	1.5
15	20	1.333333
20	25	1.25
25	30	1.2
30	35	1.166667

Lợi thế theo qui mô và cấu trúc thị trường

- Lợi thế theo qui mô có nghĩa là doanh nghiệp lớn hơn hoặc ngành lớn hơn sẽ hiệu quả hơn.
- **Lợi thế theo qui mô bên ngoài** xảy ra khi chi phí đơn vị sản lượng phụ thuộc vào *qui mô của ngành*. Ngành có lợi thế theo qui mô thuần túy bên ngoài sẽ bao gồm nhiều doanh nghiệp nhỏ và cạnh tranh hoàn hảo.
- **Lợi thế theo qui mô bên trong/nội tại** xảy ra khi chi phí trên mỗi đơn vị sản lượng phụ thuộc vào *qui mô của doanh nghiệp*. Lợi thế theo qui mô nội tại đạt được khi doanh nghiệp lớn có lợi thế chi phí so với doanh nghiệp nhỏ, khiến cho ngành trở nên cạnh tranh không hoàn hảo.

Chương này nói về mô hình lợi thế bên ngoài, chương sau sẽ đề cập lợi thế nội tại.

Lý thuyết lợi thế bên ngoài

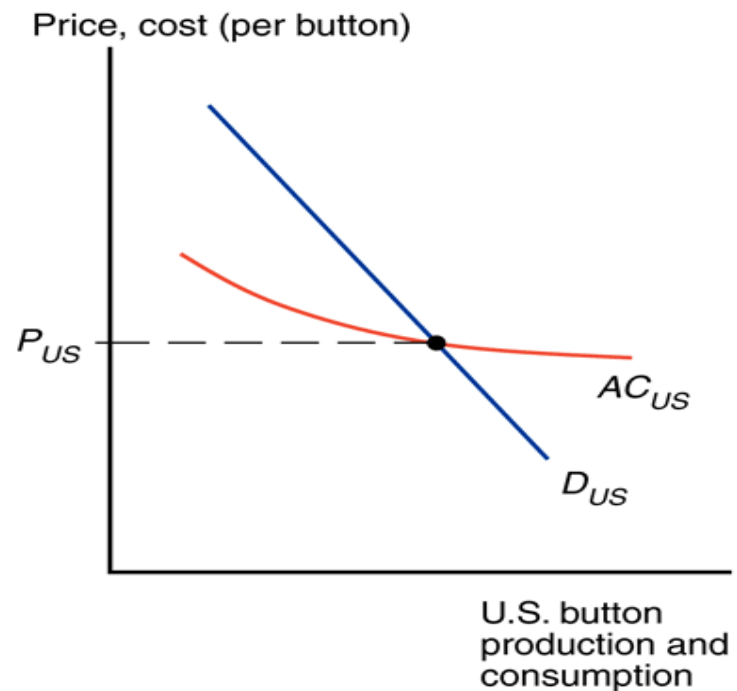
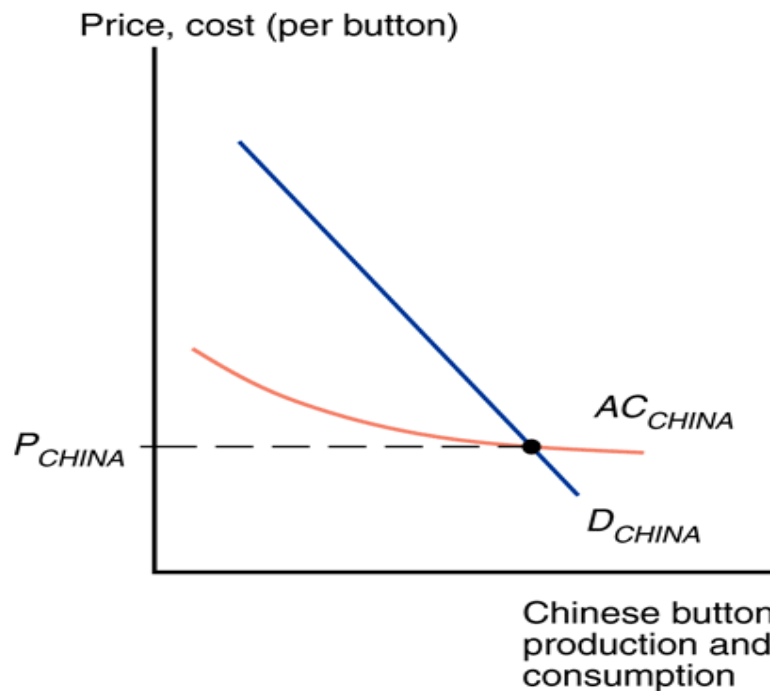
Ví dụ các ngành có lợi thế bên ngoài minh họa rõ: Hollywood, Silicon Valley, ngành ngân hàng NY, ngành IT Bangalore...

Lý do tại sao lợi thế bên ngoài quan trọng

1. **Thiết bị hoặc dịch vụ chuyên dụng** có thể cần thiết cho ngành, nhưng chỉ được cung ứng bởi doanh nghiệp khác nếu ngành này có qui mô lớn và tập trung.
2. **Qui tụ lao động:** ngành lớn và tập trung có thể thu hút tập hợp lao động, giảm chi phí thuê mướn và tìm kiếm lao động cho mỗi doanh nghiệp.
3. **Lan tỏa kiến thức:** người lao động từ các doanh nghiệp khác nhau có thể dễ dàng chia sẻ ý tưởng hơn, và có lợi cho mỗi doanh nghiệp khi ngành tồn tại ở qui mô lớn và tập trung.

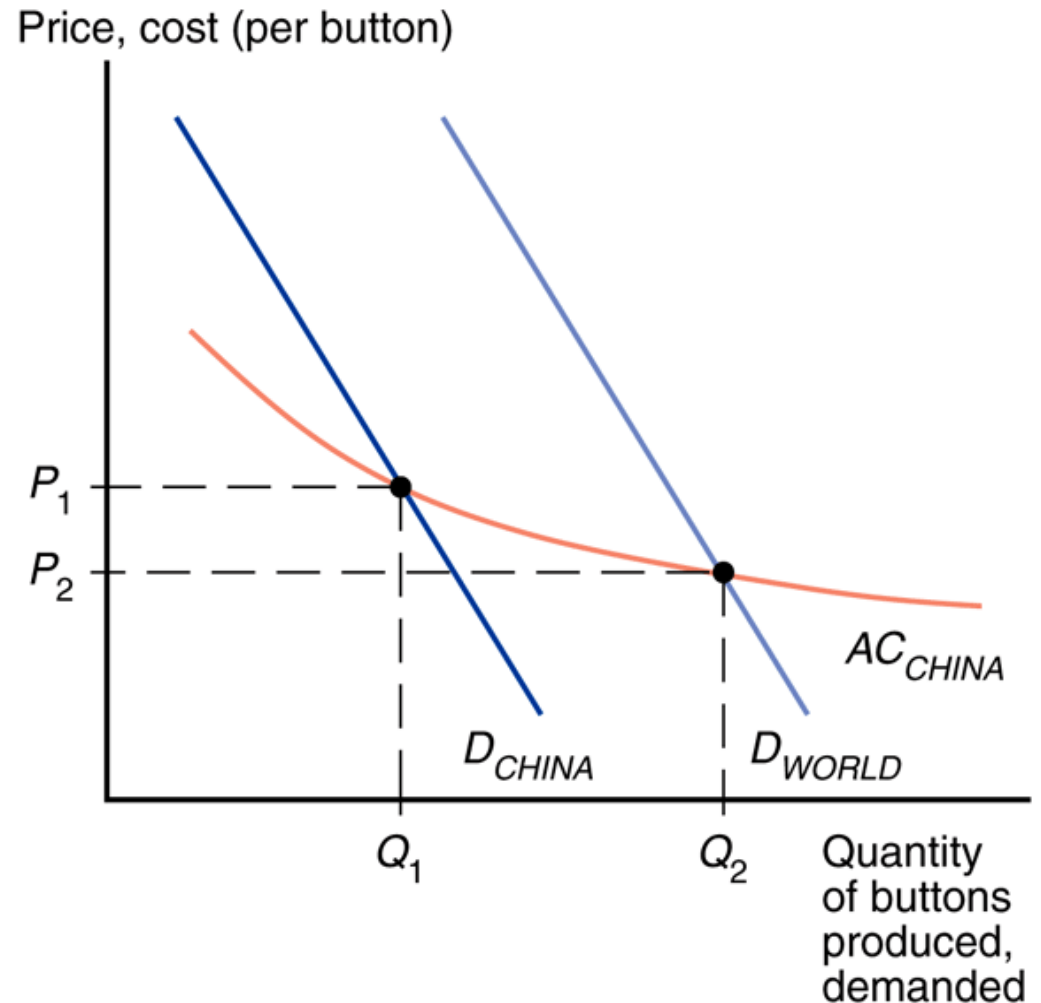
Lý thuyết lợi thế bên ngoài: giá và sản lượng

Lợi thế bên ngoài được thể hiện bằng đường cung có chi phí giảm. Hình bên dưới minh họa đường cung có chi phí giảm trong ngành sản xuất nút áo ở hai nước Trung Quốc và Mỹ. Nếu hai nước không giao thương, giá nút áo sẽ khác nhau ở hai nước, cụ thể là cao hơn ở Mỹ.



Lý thuyết lợi thế bên ngoài

- Khi thương mại mở ra, ngành nút ao Trung Quốc sẽ mở rộng, trong khi ngành nút ở Mỹ sẽ thu hẹp.
- Khi sản lượng ngành Trung Quốc tăng, chi phí sẽ giảm hơn nữa; khi sản lượng ngành của Mỹ giảm, chi phí sẽ tăng.
- Cuối cùng, tất cả sản lượng nút sẽ tập trung về Trung Quốc.
- *Ngược với trường hợp suất sinh lợi không đổi theo qui mô, thương mại dẫn tới các mức giá thấp hơn giá ở một trong hai nước trước thương mại!*



Lợi thế bên ngoài và mô thức thương mại

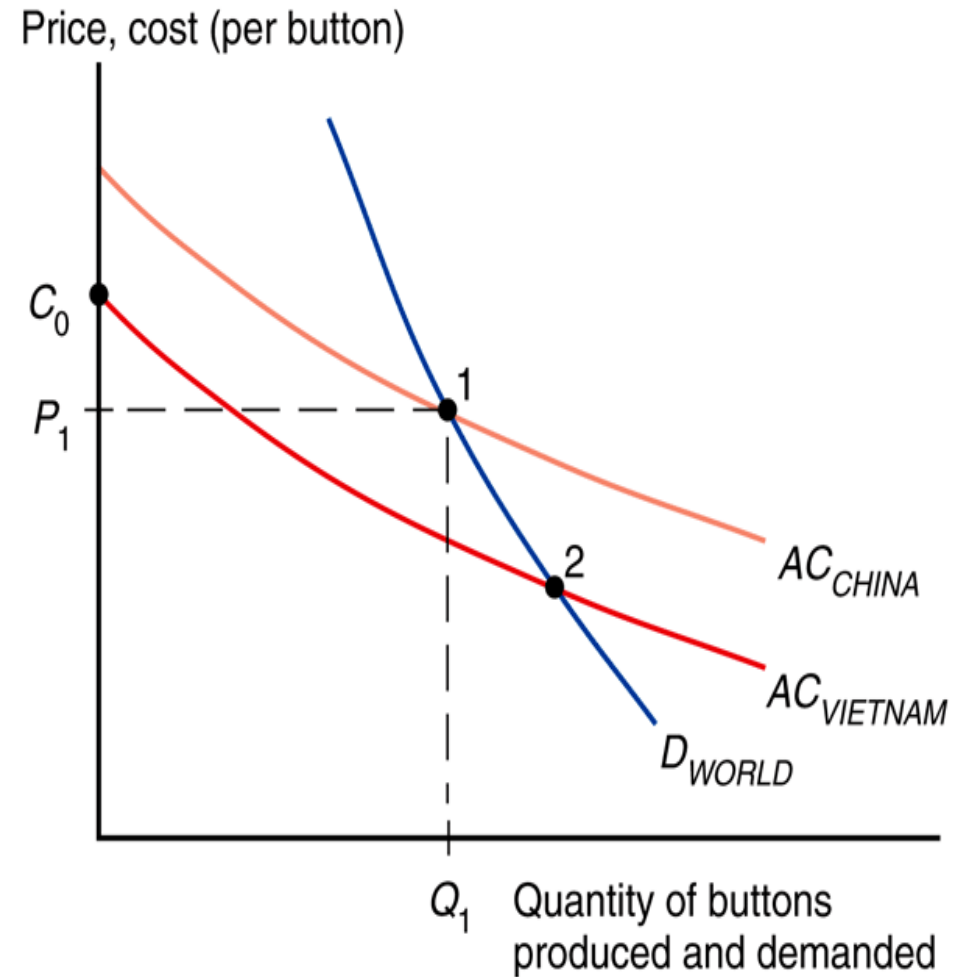
Điều gì khiến một nước có lợi thế ban đầu nhờ giá thấp hơn?

- Khả năng là lợi thế so sánh do những khác biệt tiềm ẩn trong công nghệ và nguồn lực.
- Tuy nhiên, nếu tồn tại lợi thế bên ngoài, mô thức thương mại có thể do cơ duyên lịch sử: các nước bắt đầu đã là nhà sản xuất lớn trong ngành nhất định sẽ có khuynh hướng vẫn là nhà sản xuất lớn ngay cả khi các nước có thể có tiềm năng sản xuất rẻ hơn.

Nếu sự chiếm lĩnh ngành của một nước là do “cơ duyên lịch sử”, có khả năng mô thức thương mại quốc tế là không tối ưu.

Lợi thế bên ngoài và thương mại quốc tế: minh họa

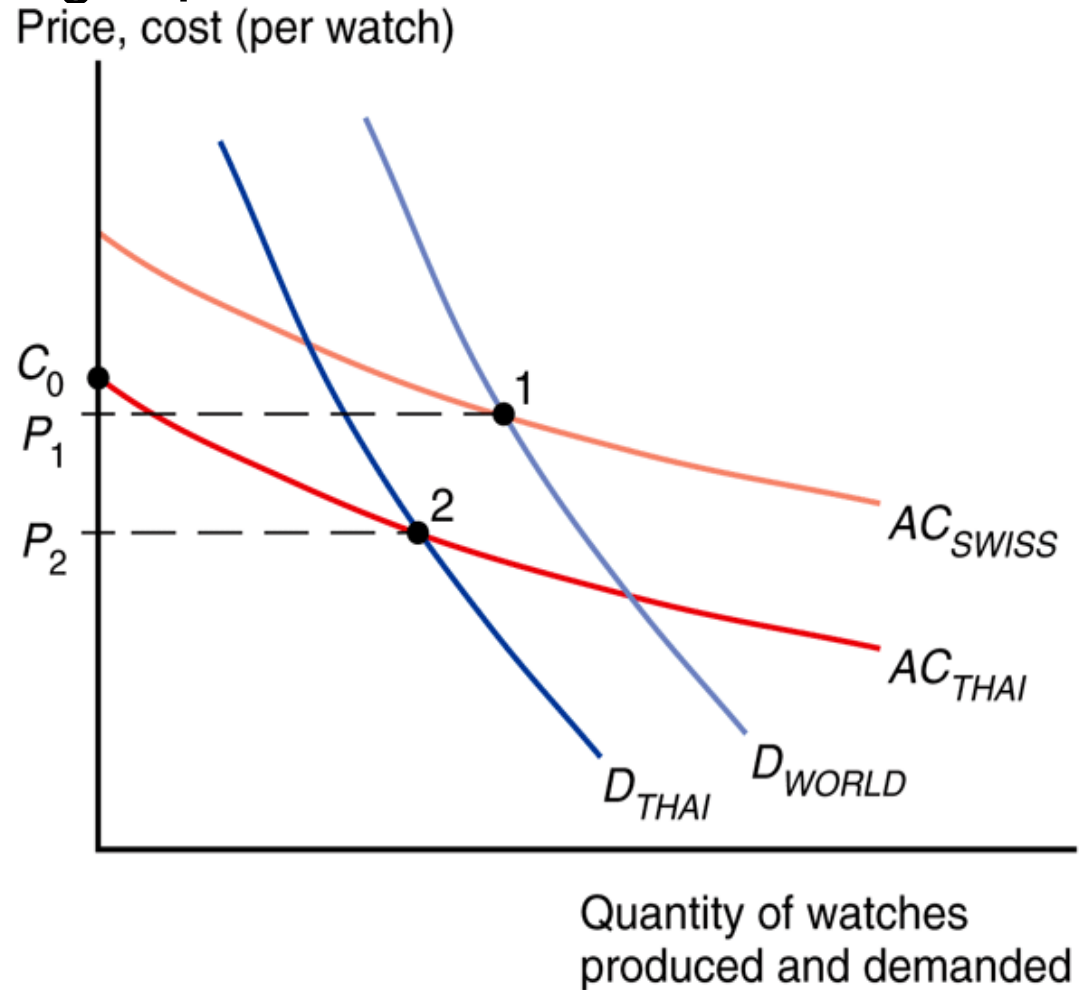
- Giả sử đường chi phí của Việt Nam nằm dưới đường chi phí của Trung Quốc vì lượng Việt Nam thấp hơn. Ở mức sản lượng bất kỳ, Việt Nam có thể sản xuất nút áo rẻ hơn Trung Quốc.
- Có thể cho rằng điều này có nghĩa là Việt Nam sẽ thực tế cung cấp cho thị trường thế giới. Nhưng không hẳn nếu Trung Quốc có đủ kinh nghiệm đi trước.
- Không có gì đảm bảo rằng quốc gia đủ điều kiện sẽ sản xuất loại hàng hóa phụ thuộc vào lợi thế bên ngoài.*



Lợi thế bên ngoài và thương mại quốc tế

Thương mại dựa vào lợi thế bên ngoài có tác động không rõ ràng đối với phúc lợi quốc gia. Có khả năng một nước có thể khá hơn khi không có thương mại.

- Hình dung Thái Lan có thể sản xuất đồng hồ đeo tay rẻ hơn, nhưng Thụy Sĩ đã đi trước.
- Giá đồng hồ có thể rẻ hơn ở Thái Lan khi không có thương mại.
- Thương mại có thể khiến Thái Lan bị thiệt, tạo động cơ để bảo hộ ngành đồng hồ đeo tay khỏi cạnh tranh nước ngoài.
- Điều gì xảy ra nếu Thái Lan theo chính sách tự cung tự cấp?

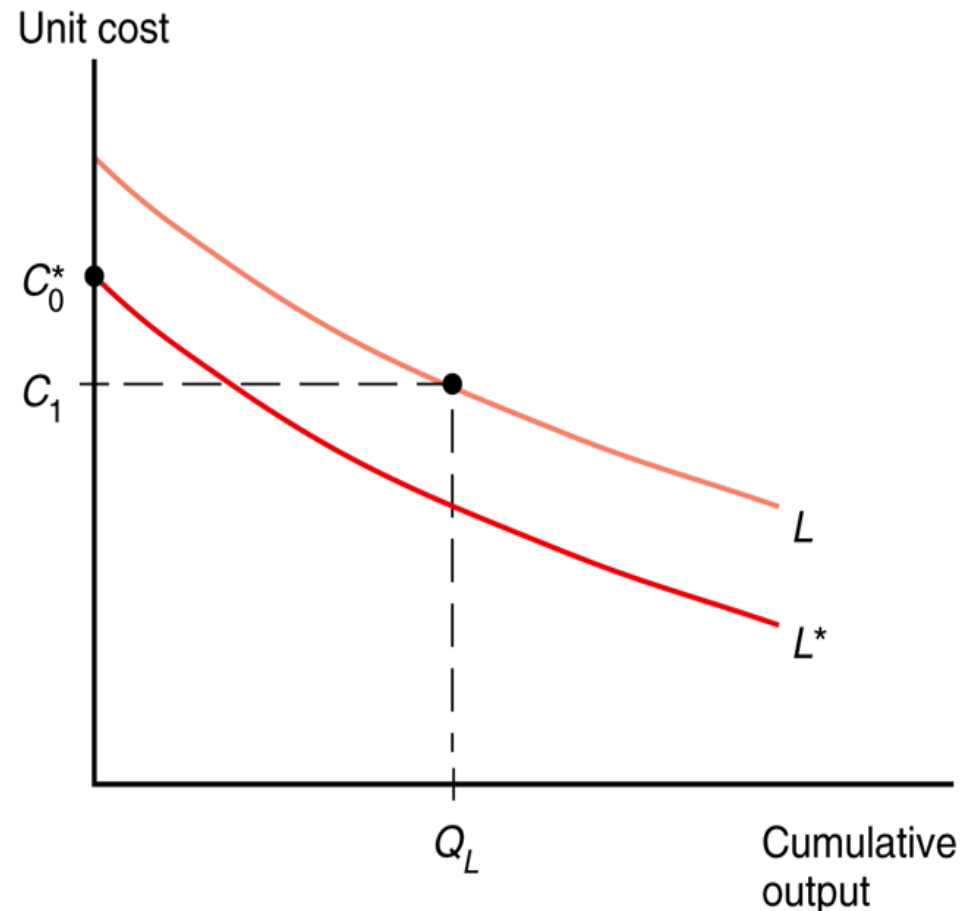


Suất sinh lợi tăng dần động

- Ta đã xem xét các trường hợp có lợi thế bên ngoài phụ thuộc vào mức *sản lượng hiện hữu* ở một thời điểm. Nhưng lợi thế bên ngoài cũng có thể phụ thuộc vào mức sản lượng *tích lũy theo thời gian*.
- **Động năng suất sinh lợi tăng dần theo qui mô** tồn tại nếu chi phí trung bình giảm khi sản lượng tích lũy theo thời gian tăng lên. Suất sinh lợi tăng dần theo qui mô động ám chỉ lợi thế bên ngoài theo qui mô động.
- Suất sinh lợi tăng dần theo qui mô động có thể tăng nếu chi phí sản xuất phụ thuộc vào việc tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, tùy vào qui trình sản xuất theo thời gian.
- Suất sinh lợi tăng dần động được biểu diễn trên đồ thị qua đường học hỏi (learning curve).

Suất sinh lợi tăng dần động: đường học hỏi

- Giống lợi thế theo qui mô bên ngoài tại một thời điểm, suất sinh lợi tăng dần theo qui mô động có thể chốt ở lợi thế ban đầu hay đi trước trong một ngành.
- Cũng có thể được sử dụng để biện luận cho chủ trương bảo hộ.
 - Bảo hộ tạm thời các ngành giúp đạt được kinh nghiệm: **lập luận ngành non trẻ**.
 - Nhưng tạm thời thường là trong thời gian dài, và khó có thể xác định khi nào lợi thế bên ngoài theo qui mô thật sự tồn tại.



Tóm tắt

1. Thương mại không nhất thiết là kết quả của lợi thế so sánh. thay vào đó, nó có thể xuất phát từ lợi thế theo qui mô hay suất sinh lợi tăng dần, nghĩa là, từ xu hướng chi phí đơn vị sẽ thấp hơn khi sản lượng lớn hơn.
2. Lợi thế theo qui mô khuyến khích các nước chuyên môn hóa và thương mại ngay cả khi không có sự khác biệt về nguồn lực hay công nghệ giữa các nước.
3. Lợi thế theo qui mô có thể nội tại (phụ thuộc vào qui mô doanh nghiệp) hay bên ngoài (phụ thuộc vào qui mô ngành)
4. Lợi thế theo qui mô có thể dẫn đến phá vỡ cạnh tranh hoàn hảo, trừ khi chúng mang hình thức lợi thế bên ngoài, xảy ra ở cấp độ ngành thay vì doanh nghiệp.

Tóm tắt

5. Lợi thế bên ngoài xem lịch sử và cơ duyên có vai trò quan trọng trong việc xác định mô thức thương mại quốc tế. Khi lợi thế bên ngoài là quan trọng, một nước bắt đầu với lợi thế lớn có thể duy trì lợi thế này ngay cả khi nước khác có khả năng sản xuất cùng mặt hàng rẻ hơn.
6. Khi lợi thế bên ngoài là quan trọng các nước có thể cảm nhận mát mát từ thương mại. Đồng thời giá thương mại tự do có thể giảm thấp hơn giá trước thương mại ở cả hai nước.
7. Địa kinh tế nói đến mức giao dịch giữa con người với nhau qua không gian, kể cả thương mại quốc tế và thương mại liên vùng.
8. Thương mại dựa vào lợi thế qui mô bên ngoài có thể làm tăng hoặc giảm phúc lợi quốc gia, và các nước có thể có lợi từ chính sách bảo hộ tạm thời nếu các ngành của họ thể hiện lợi thế theo qui mô tại một thời điểm hay theo thời gian.

Câu hỏi thảo luận

1. Với lợi thế qui mô bên ngoài, thương mại tự do có thể không phải là chính sách tối ưu. Tại sao?
2. Lợi thế qui mô bên ngoài dường như là lý lẽ cho “bảo hộ ngành non trẻ”, nhưng thực tế ghi nhận trường hợp bảo hộ ngành non trẻ có kết quả rất kém. Tại sao?
3. Điểm yếu quan trọng của lập luận can thiệp của nhà nước là gì khi lợi thế bên ngoài hiện hữu?